

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SOTEK INDV
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SOTEK INDV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOTEK INDV INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301272307

3. Ngày thành lập: 16/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Nội, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0936 688 316

Fax:

Email: sotekindv@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: trừ đấu giá	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ đấu giá	4530
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn thiết bị điện, thiết bị đóng cắt điện, máy cắt, cầu dao cách ly, cầu chì; - Bán buôn các vật tư, vật liệu phụ kiện của máy biến áp, động cơ điện, máy phát điện, máy cắt điện; - Bán buôn máy biến áp, động cơ, máy phát điện, máy cắt điện và các loại thiết bị điện, điện tử;	4659

Thời gian đăng từ ngày 17/01/2024 đến ngày 16/02/2024

17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán dầu biến thể các loại;	4661
18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm. (trừ bán buôn vàng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn sợi dệt;	4669
21.	Khai thác thủy sản biển	0311
22.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
23.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
24.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Dịch vụ đóng gói	8292
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
28.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
29.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
30.	Hoạt động thể thao khác	9319
31.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
32.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
33.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới bất động sản.	6820
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản; - Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước; - Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh... (Điều 154, 158 của Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	7110

36.	Quảng cáo	7310
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất	7410
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
40.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát đá sỏi, đất sét, cao lanh.	0810
45.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
46.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
47.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
48.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
49.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
50.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản	1075
51.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất quần áo bảo hộ lao động;	1410
52.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế Chi tiết: Lọc tái sinh dầu biến áp;	1920
53.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
54.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
55.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
56.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
57.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
58.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
59.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở).	2592
60.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

61.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đầu: - Sản xuất dây kim loại, dây mạ kẽm dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải...	2599
62.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
63.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
64.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
65.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
66.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Thí nghiệm và hiệu chỉnh thiết bị điện;	2651
67.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị điện, tự động hoá, điều khiển tự động; - Chế tạo các trạm điện Kiốt đến 35 KV, tủ điện cao thế, hạ thế; - Chế tạo các loại máy biến áp; - Sản xuất máy biến áp, động cơ, máy phát điện, máy cắt điện	2710(Chính)
68.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
69.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
70.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
71.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: Sản xuất các vật tư, vật liệu phụ kiện của máy biến áp, động cơ điện, máy phát điện, máy cắt điện;	2733
72.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, bưu chính viễn thông có cấp điện áp đến 110 KV; - Sản xuất các loại thiết bị điện, điện tử;	2790
73.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
74.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
75.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
76.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
77.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
78.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
79.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
80.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
81.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
82.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
83.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

84.	Sản xuất máy luyện kim	2823
85.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
86.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
87.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
88.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
89.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
90.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
91.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Dịch vụ cung cấp vận chuyển các thiết bị điện;	4933
92.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
93.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải hàng hóa hàng không)	5229
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
97.	Cơ sở lưu trú khác	5590
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
99.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
100.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
101.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
102.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê các thiết bị điện	7730
103.	Đại lý du lịch	7911
104.	Điều hành tua du lịch	7912
105.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
106.	Vệ sinh chung nhà cửa (Trừ xông hơi, khử trùng)	8121
107.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Trừ xông hơi, khử trùng)	8129

108.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
109.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
110.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
111.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Sản xuất phao cứu sinh, + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, + Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy),	3290
112.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: - Sửa chữa, bảo trì các thiết bị điện, điện tử, bưu chính viễn thông có cấp điện áp đến 110 KV; - Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các loại máy biến áp;	3314
113.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
114.	Sản xuất điện (Loại trừ hoạt động trong hệ thống điện quốc gia) Chi tiết: Sản xuất điện và phân phối điện (Điều 4 Luật Điện lực)	3511
115.	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ hoạt động trong hệ thống điện quốc gia) (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh ngành nghề này khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)	3512
116.	Xây dựng nhà để ở	4101
117.	Xây dựng nhà không để ở	4102
118.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
119.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
120.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35 KV đối với công trình điện năng;	4221
121.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
122.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
123.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
124.	Xây dựng công trình thủy	4291
125.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
126.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
127.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
128.	Phá dỡ	4311
129.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
130.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: - Lắp đặt chuông báo cháy - Lắp đặt lắp đặt các thiết bị điện, tự động hoá, điều khiển tự động; - Lắp đặt các thiết bị điện, điện tử, bưu chính viễn thông có cấp điện áp đến 110 KV; - Dịch vụ cung cấp lắp đặt các thiết bị điện;	4321

131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu... - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

- 6. Vốn điều lệ:** 49.000.000.000 VNĐ
- Mệnh giá cổ phần:
- 7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 4.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ CHIẾN	Xóm Nội, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.721.0 60	37.210.600.000	75,940	0271830057 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.721.0 60	37.210.600.000	75,940		

2	VŨ HOÀNG ĐĂNG	Số 113 Trúc Bạch, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	307.720	3.077.200.000	6,280	001089032887
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	307.720	3.077.200.000	6,280	
3	NGUYỄN HỮU MONG	Xóm Nội, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	379.750	3.797.500.000	7,750	027084014670
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	379.750	3.797.500.000	7,750	
4	NGUYỄN ĐÌNH DIỆN	Xóm Nội, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	491.470	4.914.700.000	10,030	027094005622
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	491.470	4.914.700.000	10,030	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN HỮU MONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/10/1984

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027084014670

Ngày cấp: 15/09/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Nội, Xã Mão Điền, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Nôi, Xã Mão Điền, Thị xã Thuân Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh